

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH TRỊ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21-05-2021

V/v tranh chấp: "Ly hôn".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Võ Tấn Nga;

Ông Dương Văn Phước.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Dương Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 05 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 04 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Phạm Thanh T, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Phú T, thị trấn Phú L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

**- Bị đơn:** Chị Huỳnh Thị M, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Phú T, thị trấn Phú L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Trong đơn khởi kiện ngày 23-02-2021 cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Phạm Thanh T trình bày:*

Anh và chị Huỳnh Thị M tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống đã ly thân từ năm 2016. Nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn

với chị Mãi. Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thị Kiều T, sinh năm 1995 và Phạm Tuấn A, sinh năm 1999 hiện các con đều trưởng thành. Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn chị Huỳnh Thị M vắng mặt không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng thủ tục đối với phiên tòa. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Anh T và chị M chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận anh T và chị M là vợ chồng. Các con chung đã trưởng thành không xem xét. Về tài sản chung anh T không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T yêu cầu ly hôn nhưng không có đăng ký kết hôn. Quan hệ tranh chấp nêu trên được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 14, Điều 15 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với chị Huỳnh Thị M được Tòa án triệu hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị M.

[3] Theo biên xác minh ngày 08-04-2021 của Tòa án đối với chị Phạm Thị Kiều T là con ruột của anh T và chị M, chị T xác nhận thông báo thụ lý, thông báo hòa giải của Tòa án chị đều nhận và có thông báo lại cho chị M biết nhưng chị M không đồng ý đến Tòa án. Tòa án đã tiến hành mời hòa giải nhiều lần nhưng chị M vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối với yêu cầu của anh T.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Thanh T và chị Huỳnh Thị M tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn, chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tại phiên tòa, anh T trình bày anh và chị M luôn bất đồng ý kiến trong cuộc sống dẫn hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M. Do anh T và chị M không có đăng ký kết hôn. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...*” và tại khoản 4

Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp quy định “*Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con, quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình*”. Căn cứ các quy định trên Tòa án không công nhận anh T với chị M là vợ chồng.

[5] Về con chung: Đều trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T trình bày không có và không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T là người xin ly hôn nên anh T phải chịu án phí 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[8] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì có căn cứ pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận anh Phạm Thanh T với chị Huỳnh Thị M là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Phạm Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008289 ngày 23-02-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng, anh T đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với chị Huỳnh Thị M vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi Cục THADS Thạnh Trị;
- Đường sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hoàng Nam**